

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29-8-2017
V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Châm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn;

2. Bà Trang Thị Cẩm Nhuận.

Thư ký phiên tòa: Bà **Liêng Thị Kim Ngân**-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 316/2017/TLST-HNGĐ, ngày 09/6/2017, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 19/7/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Huỳnh Văn P, sinh năm 1976; Địa chỉ: khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1984; Địa chỉ: khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2017 và bản tự khai nguyên đơn anh Huỳnh Văn P trình bày:

Năm 2015 anh xác lập quan hệ hôn nhân với chị Nguyễn Thị D, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B vào ngày 14/01/2016. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung cũng hạnh phúc và có một đứa con chung nhưng về sau do bất đồng ý kiến cũng như quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, trong thời gian này vợ chồng cho nhau nhiều cơ hội để hàn gắn tình cảm nhưng không hàn gắn được và hiện nay anh chị không còn sống chung từ ngày 05/6/2017 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên anh quyết

định ly hôn cùng chị D.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 đứa con chung tên Huỳnh Thị Huyền T, sinh ngày 27/12/2015 đang sống chung với chị D.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Anh Huỳnh Văn P yêu cầu giải quyết:

Về hôn nhân: Cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị D.

Về con chung: Anh đồng ý giao con chung tên Huỳnh Thị Huyền T, sinh ngày 27/12/2015 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu.

Nguyên đơn anh Huỳnh Văn P có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh P cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau đây: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 01 giấy khai sinh con; 01 sổ hộ khẩu gia đình (photo); 01 giấy chứng minh nhân dân tên P (photo).

Đối với bị đơn: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đúng thủ tục như Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ đối với chị D, nhưng chị D không đến Tòa án tham gia tố tụng và Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai của chị D được nên không thể xác định được những tình tiết nào của vụ án mà các bên đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

Những nội dung đương sự thỏa thuận được và không thỏa thuận được:
Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Nguyễn Thị D có hộ khẩu thường trú ở khóm A, thị trấn B, huyện T, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn chị Nguyễn Thị D trong quá trình tiến hành tố tụng và giải quyết vụ án chị D đều vắng mặt, mặc dù Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ công khai các văn bản tố tụng nhưng chị D vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị D.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Huỳnh Văn P và chị Nguyễn Thị D kết hôn năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện T vào ngày

14/01/2016 theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ ngày 05/6/2017 cho đến nay. Theo đơn khởi kiện anh P trình bày vợ chồng sống chung bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cãi, đồng thời ngày 04/4/2017 anh có làm đơn xin ly hôn với chị D do động viên hòa giải của Tòa nên anh P rút đơn tạo cơ hội để vợ chồng đoàn tụ nhưng mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn được, đến ngày 18/4/2017 chị D làm đơn khởi kiện xin ly hôn với anh P, tại buổi hòa giải ngày 24/4/2017 anh P và chị D thuận tình ly hôn, nhưng ngày 25/4/2017 chị D làm đơn xin thay đổi nội dung hòa giải và rút lại đơn khởi kiện đơn tạo cơ hội để vợ chồng đoàn tụ nhưng mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn được, nên anh P tiếp tục xin ly hôn điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh P và chị D đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho anh P được ly hôn với chị D.

[3] *Về con chung*: Anh chị có 01 con chung tên Huỳnh Thị Huyền T, sinh ngày 27/12/2015 hiện đang sống chung với chị D; Anh P đồng ý giao con chung cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh P khai, anh và chị D không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Do Tòa án không trực tiếp làm việc với chị D để biết ý kiến của chị về tài sản chung, nợ chung và chị D có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung giữa chị và anh P hay không. Vì vậy, nếu sau khi ly hôn chị D có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung với anh P thì chị D có quyền khởi kiện vụ án tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn với anh P.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Văn P.

1. Về hôn nhân: Cho anh Huỳnh Văn P được ly hôn với chị Nguyễn Thị D.

2. Về con chung: Anh Huỳnh Văn P đồng ý giao con chung tên Huỳnh Thị Huyền T, sinh ngày 27/12/2015 cho chị Nguyễn Thị D tiếp tục nuôi dưỡng, anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Huỳnh Văn P khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Nếu sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị D có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn với anh P.

4. Về án phí: Anh Huỳnh Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 00011442, ngày 09/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Anh Huỳnh Văn P còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí.

Bị đơn chị Nguyễn Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- CC THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- UBND TT Tiểu Cần;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mỹ Châm